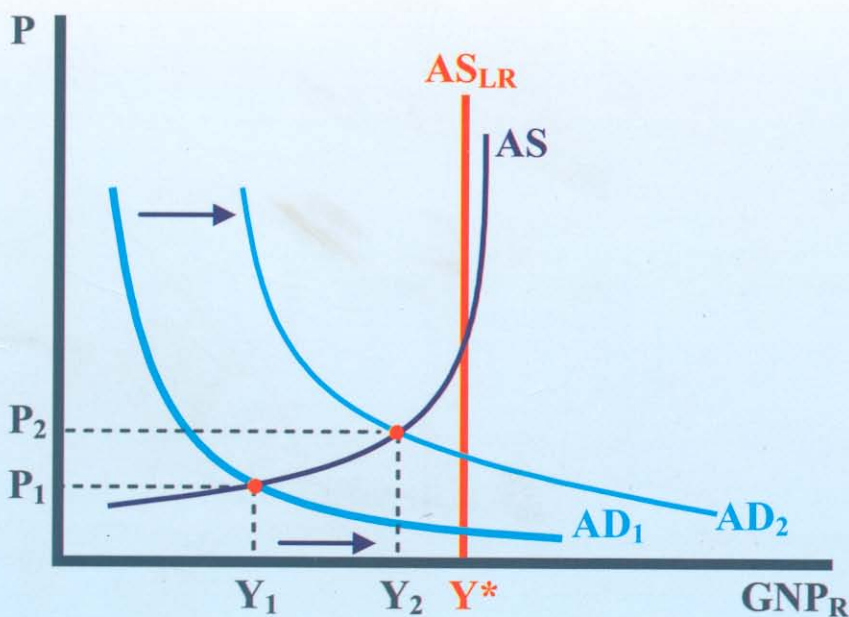




HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PGS.TS. NGUYỄN VĂN DẪN
(*Chủ biên*)

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

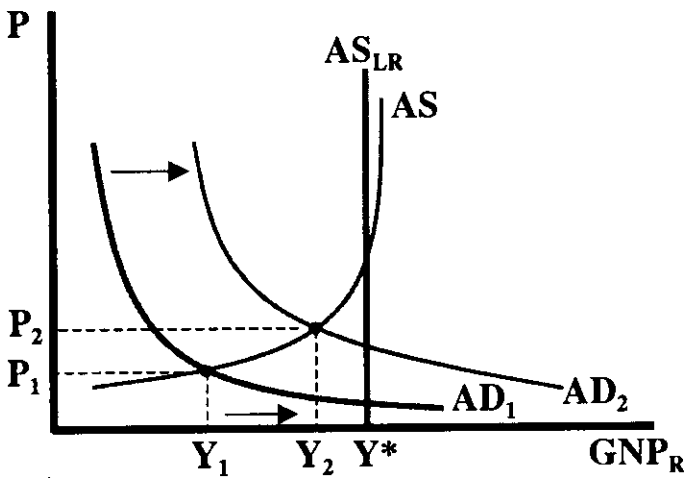


NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PGS.TS. NGUYỄN VĂN DẦN
(Chủ biên)

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

(Tái bản lần thứ hai)



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH
HÀ NỘI - 2007

Tham gia chỉnh sửa:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Dân
2. TS. Đỗ Thị Thục
3. TS. Trần Xuân Hải
4. ThS. Nguyễn Thu Nga
5. ThS. Phạm Quỳnh Mai

Lời nói đầu

(Cho lần tái bản thứ hai)

Trong những năm gần đây, Học viện Tài chính thường xuyên tiến hành đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Để đạt được mục tiêu đó phải đồng thời đổi mới và hoàn thiện các bộ giáo trình, tài liệu phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của Học viện theo từng môn học. Một trong những cuốn sách do các giảng viên Bộ môn kinh tế học của Học viện biên soạn là "kinh tế học vĩ mô" đã góp phần tích cực phục vụ cho công tác đào tạo của Học viện trong nhiều năm: Cuốn "Kinh tế học vĩ mô" được xuất bản năm 2003, tái bản năm 2005 và sửa chữa tái bản lần này.

Từ nhận thức đó, cuốn "Kinh tế học vĩ mô" do PGS.TS Nguyễn Văn Dân chủ biên và tập thể tác giả nhiều năm giảng dạy ở Bộ môn kinh tế học trực tiếp sửa chữa bổ sung lần này nhằm hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu tài liệu cho giảng dạy, học tập và NCKH của Học viện Tài chính cũng như của xã hội.

Trong quá trình sửa chữa và bổ sung, tập thể tác giả đã cập nhật những kiến thức mới, hiện đại, chọn lọc những nội dung khoa học phù hợp để hoàn thành cuốn sách với chất lượng cao nhất.

Các giảng viên tham gia chỉnh sửa gồm :

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Dân, trưởng Bộ môn kinh tế học (Chủ biên).

2. TS. Trần Xuân Hải, Phó trưởng Ban Quản lý Khoa học ;
3. TS. Đỗ Thị Thục, giảng viên Bộ môn kinh tế học
4. Th.s. Phạm Quỳnh Mai, giảng viên Bộ môn kinh tế học ;
5. Th.s. Nguyễn Thu Nga, giảng viên Bộ môn kinh tế học.

Cuốn sách được hoàn thành trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Đặt ra nhiều vấn đề về kinh tế cần tiếp cận và nhận thức đúng đắn nhất là lĩnh vực quản lý vĩ mô nền kinh tế. Do vậy, nội dung của cuốn sách không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Học viện nam Tài chính và tập thể tác giả mong nhận được sự góp ý chân thành của các nhà khoa học trong và ngoài Học viện để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Hà Nội, tháng 05 năm 2007
BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
Mục lục	5
Chữ viết tắt	8
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ	13
1. Khái niệm, đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học	14
2. Những vấn đề về tổ chức kinh tế	22
3. Thị trường	32
4. Một số khái niệm cơ bản	36
5. Cung – cầu	39
6. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô	41
7. Mục tiêu và công cụ chính sách điều tiết vĩ mô	44
8. Tổng cung và tổng cầu	50
9. Một số khái niệm và mối quan hệ kinh tế vĩ mô cơ bản	55
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	58
Chương 2. HẠCH TOÁN TỔNG SẢN PHẨM QUỐC DÂN	61
1. Tổng sản phẩm quốc dân, tổng sản phẩm quốc nội	61
2. Ba phương pháp đo lường tổng sản phẩm quốc nội	66
3. Một số chỉ tiêu liên quan đến GDP	74
4. Các đồng nhất thức kinh tế vĩ mô cơ bản	77
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	81
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ MÔ HÌNH SỐ NHÂN	86
1. Một số giả định khi nghiên cứu tổng cầu	86
2. Các nhân tố cấu thành tổng cầu	87
3. Các mô hình tổng cầu	89
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	123

Chương 4. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	128
1. Khái niệm và chức năng của tiền tệ	128
2. Thị trường tiền tệ	130
3. Ngân hàng trung gian và sự tạo ra các khoản tiền gửi	137
4. Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ	143
5. Định lượng cho chính sách tiền tệ	160
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	163
Chương 5. CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN	167
1. Chính sách tài khoản với mục tiêu ổn định hoá nền kinh tế	167
2. Khái niệm và các loại thâm hụt ngân sách nhà nước	173
3. Các lý thuyết về cân đối ngân sách	175
4. Chính sách tài khoản cùng chiều và chính sách tài khoản ngược chiều	180
5. Thâm hụt ngân sách và thoái giảm đầu tư	184
6. Tài trợ thâm hụt ngân sách	187
7. Nợ và giới hạn ngân sách của chính phủ	192
8. Điều kiện đảm bảo khả năng trả nợ và giới hạn ngân sách của chính phủ	196
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	200
Chương 6. MÔ HÌNH IS – LM	202
1. Mô hình IS – LM khi giá cả cố định	202
2. Mô hình IS – LM khi giá cả thay đổi	228
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	238
Chương 7. MÔ HÌNH TỔNG CẦU – TNG CUNG (AD – AS)	239
1. Đường tổng cầu theo giá	239
2. Đường tổng cung theo giá	246
3. Cân bằng kinh tế vĩ mô	263
4. Tác động của chính sách tài khoản và tiền tệ trong mô hình AD-AS	266
5. Các mô hình tổng cung ngắn hạn	273
6. Chu kỳ kinh doanh	284
<i>Câu hỏi ôn tập</i>	290

Chương 8. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	292
1. Nghiên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế	292
2. Cán cân thanh toán quốc tế	297
3. Thị trường ngoại hối	302
4. Tỷ giá hối đoái – công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế	304
5. Mô hình IS-LM trong nền kinh tế mở ngắn hạn khi mức giá cố định	311
6. Mô hình IS* - LM* khi giá thay đổi	325
7. Định lượng cho các chính sách trong mô hình Mundell – Fleming	330
Câu hỏi ôn tập	337
Chương 9. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	338
1. Khái niệm và phân loại lạm phát	338
2. Tác động của lạm phát	347
3. Giải pháp chống lạm phát	352
4. Thất nghiệp và phương pháp xác định	353
5. Phân loại thất nghiệp	355
6. Tác động của thất nghiệp	361
7. Giải pháp hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp	362
8. Quan hệ giữa thất nghiệp với tăng trưởng kinh tế và lạm phát	364
Câu hỏi ôn tập	371
Chương 10. CUỘC TRANH LUẬN VỀ CÁC CHÍNH SÁCH KINH TẾ	378
1. Tranh luận về chính sách ổn định hoá	378
2. Cuộc tranh luận giữa các trường phái kinh tế	383
Câu hỏi ôn tập	390
Chương 11. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	391
1. Một số lý luận về tăng trưởng kinh tế	391
2. Cách tính nguồn tăng trưởng	402
3. Các mô hình tăng trưởng	407
4. Tăng trưởng, phát triển và kém phát triển	439
Bài tập và hướng dẫn giải	447
Tài liệu tham khảo	485

**BẢNG KÝ HIỆU ĐƯỢC DÙNG TRONG CÁC CÔNG THỨC
CỦA KINH TẾ HỌC VĨ MÔ**

Ký hiệu	Tiếng Việt	Tiếng Anh
A	Tổng chi tiêu tự định	Autonomous Expenditure
a	Tốc độ tăng trưởng	
AD	Tổng cầu, đường tổng cầu theo giá	Aggregate Demand
AS	Tổng cung, đường tổng cung theo giá	Aggregate Supply
AS _{SR}	Đường tổng cung ngắn hạn	Short – run Aggregate Supply curve
AS _{LR}	Đường tổng cung dài hạn	Long – run Aggregate Supply curve
C	Tiêu dùng của hộ gia đình	Consumption
C	Tiền mặt (ngoài ngân hàng, trong lưu thông)	Currency (in circulation)
c	Tiêu dùng tính bình quân một đơn vị lao động	
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng	Consumer Price Index
\bar{C}	Chỉ tiêu tiêu dùng tự định	
D	Tổng tiền gửi không kỳ hạn	Demand deposits
D	Chỉ số điều chỉnh GDP	GDP deflator
De	Khấu hao	Depreciation
DL	Cầu về lao động	Demand of Labor
e	Tỷ giá hối đoái danh nghĩa	Nominal Exchange Rate
ER	Dự trữ tùy ý	Excess Reserves
G	Chi tiêu mua hàng hoá và dịch vụ của chính phủ	Government Spending on goods and services

Chữ viết tắt

\bar{G}	Chỉ tiêu mua hàng hoá và dịch vụ của chính phủ	
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	Gross Domestic Product
GNP	Tổng sản phẩm quốc dân	Gross National Income
gp	Tỷ lệ lạm phát	Rate of Inflation
h	Hệ số phản ánh độ nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất	
I	Đầu tư	Investment
\bar{i}	Đầu tư tự định	
IM	Nhập khẩu	Imports
In	Đầu tư ròng	Net Investment
i	Đầu tư tính bình quân một đơn vị lao động	
i	Tiền lãi (chi phí thuê vốn)	Interest
i	Lãi suất danh nghĩa	Nominal Interest rate
i_t	Lãi suất chiết khấu	Discount Rate
IS	Đường IS: cân bằng thị trường hàng hoá trong mô hình IS-LM	Investment equals Saving
IS*	Đường IS*: cân bằng thị trường hàng hoá trong mô hình IS* - LM*	
K	Vốn (tư bản)	Capital
k	Hệ số phản ánh độ nhạy cảm của Y và cầu tiền	
k	Khối lượng vốn bình quân một lao động	
k*	Khối lượng vốn bình quân một lao động ở trạng thái dừng	
k'	Số nhân của chính sách tài khoá	
k''	Số nhân của chính sách tiền tệ	